

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2016/HNGĐ-ST**  
Ngày **24** tháng **03** năm 2016  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Ngọc Hà
2. Bà Phạm Thị Đào

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thúy Vy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên Tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương – Kiểm sát viên.

Ngày **24/03/2016**, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 151/2015/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2015 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2016/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 11/03/2016, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Trang Thị Mỹ T, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 661, ấp Phước Lợi, xã P.T, huyện C.T, tỉnh S.T(có mặt)

\* *Bị đơn:* Ông Hoàng Trọng T, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 593 ấp Phước Lợi, xã P.T, huyện C.T, tỉnh S.T(vắng mặt)

**NHẬN THẤY:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trang Thị Mỹ T trình bày:*

Bà Trang Thị Mỹ T và ông Hoàng Trọng T sống chung với nhau và tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Tân cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 181 ngày 13/8/2011, quá trình chung sống ông bà có một con chung là cháu Hoàng Trang Ngọc Mỹ, sinh ngày 08/9/2011, hiện cháu Mỹ đang sống chung với bà. Do chồng bà là ông Hoàng Trọng T không lo làm ăn để phụ giúp gia đình, chỉ lo ăn chơi không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên cãi vã nhau và chửi bới bà nên bà và ông T bất đồng quan điểm. Bà nhận thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa và sống không có hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được nên bà làm đơn xin ly hôn. Nay bà T yêu cầu:

- Về hôn nhân bà xin được ly hôn với ông Hoàng Trọng T;

- Về con chung: Bà T xin được nuôi cháu Hoàng Trang Ngọc Mỹ, sinh ngày 08/9/2011 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có bà không yêu cầu giải quyết.

\* Ông Hoàng Trọng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để cung cấp lời khai, tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

### **XÉT THẤY :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về thủ tục tố tụng:* Đối với ông Hoàng Trọng T là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để cung cấp lời khai, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 199 và khoản 3 Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Bà Trang Thị Mỹ T và ông Hoàng Trọng T là người có đủ năng lực hành vi dân sự, ông bà đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo bà T trình bày là Do chồng bà là ông Hoàng Trọng T không lo làm ăn để phụ giúp gia đình, chỉ lo ăn chơi không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên cãi vã nhau và chửi bới bà nên bà và ông T bất đồng quan điểm và sống chung không có hạnh phúc. Đối với ông Hoàng Trọng T, kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện T lợi về mặt thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội hàn gắn và mời tham dự các phiên hòa giải nhằm để động viên vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ này.

Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của

bà T cho bà được ly hôn ông Hoàng Trọng T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông T có một con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Trang Ngọc Mỹ, sinh ngày 08/9/2011, hiện đang sống chung với bà T. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian bà T và ông T xảy ra mâu thuẫn, cháu Mỹ là con chung của ông bà, đã và đang sống chung với bà T ổn định; Mặt khác, cháu Mỹ đang còn rất nhỏ, rất cần sự đùm bọc quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ từ phía người mẹ, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T là giao cháu Mỹ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông T không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa, bà T xác định hiện nay bà đang sống chung với cha mẹ ruột, nhưng bà có đủ khả năng nuôi dưỡng cháu Mỹ đến trưởng thành, nên bà T tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Xét thấy sự tự nguyện của bà T không trái với đạo đức xã hội, trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà T và không buộc ông T phải cấp dưỡng cho cháu Hoàng Trang Ngọc Mỹ.

Về tài sản chung và nợ chung, bà T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4, Điều 131 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 8, Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 33; khoản 2, Điều 199; khoản 3, Điều 202; khoản 4, Điều 131; Điều 243 và Điều 245 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;

- Áp dụng Điều 42 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8, Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và Lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị Mỹ T được ly hôn với ông Hoàng Trọng T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Trang Ngọc Mỹ, sinh ngày 08/9/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Mỹ trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trang Thị Mỹ T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008191, ngày 09/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Ông Hoàng Trọng T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Hoàng Trọng T vắng mặt tại phiên Tòa, thời hạn kháng cáo được Th từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN VĂN NHÃN**